



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số 4103004305 ngày 6 tháng 2 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300545501 ngày 7 tháng 12 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông La Văn Út	Chủ tịch
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên
Ông Bùi Hồng Dũng	Ủy viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2019)
Ông Trần Kỳ Hạnh	Ủy viên (đến ngày 24 tháng 4 năm 2019)
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Chiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Thành viên Ban Kiểm soát

Trụ sở đăng ký

236/106/1A Điện Biên Phủ
Phường 17, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 30 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 19 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 30.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-02-00157-19-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2019

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3064-2019-007-1

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		312.505.548.299	328.715.322.506
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	112.937.360.267	209.567.691.275
Tiền	111		42.937.360.267	89.567.691.275
Các khoản tương đương tiền	112		70.000.000.000	120.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		145.390.495.779	68.108.770.373
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	50.167.307.331	24.115.012.846
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	8.107.093.756	20.908.877.888
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	87.116.094.692	23.084.879.639
Hàng tồn kho	140	12	54.170.810.077	51.038.860.858
Hàng tồn kho	141		54.905.133.906	51.773.184.687
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(734.323.829)	(734.323.829)
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.882.176	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		6.882.176	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		1.147.033.612.468	1.192.018.088.722
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.391.204.000	1.391.204.000
Phải thu dài hạn khác	216		1.391.204.000	1.391.204.000
Tài sản cố định	220		904.285.412.644	999.117.657.680
Tài sản cố định hữu hình	221	13	879.405.957.160	973.931.699.948
Nguyên giá	222		3.940.957.750.858	3.942.060.687.222
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.061.551.793.698)	(2.968.128.987.274)
Tài sản cố định vô hình	227	14	24.879.455.484	25.185.957.732
Nguyên giá	228		28.250.980.211	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.371.524.727)	(3.065.022.479)
Tài sản dở dang dài hạn	240		53.118.853.528	43.271.084.746
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	53.118.853.528	43.271.084.746
Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	188.238.142.296	148.238.142.296
Đầu tư vào công ty con	251		175.000.000.000	135.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.500.000.000	64.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(51.261.857.704)	(51.261.857.704)
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.459.539.160.767	1.520.733.411.228

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		365.337.286.031	375.961.748.256
Nợ ngắn hạn	310		171.264.998.531	166.363.677.756
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	16.094.358.105	33.048.676.569
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	15.290.919.425	9.775.901.709
Phải trả người lao động	314		19.850.294.111	23.578.974.450
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	11.026.809.020	10.397.282.571
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	7.943.935.950	7.236.358.759
Vay ngắn hạn	320	21	31.051.566.000	31.051.566.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	55.380.952.380	45.328.033.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.626.163.540	5.946.884.698
Nợ dài hạn	330		194.072.287.500	209.598.070.500
Vay dài hạn	338	21	194.072.287.500	209.598.070.500
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.094.201.874.736	1.144.771.662.972
Vốn chủ sở hữu	410	23	1.094.201.874.736	1.144.771.662.972
Vốn cổ phần	411	24	798.666.660.000	798.666.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		798.666.660.000	798.666.660.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(160.015.910)	(160.015.910)
Cổ phiếu quỹ	415		(11.635.553.757)	(11.635.553.757)
Quỹ đầu tư phát triển	418		250.991.855.223	250.991.855.223
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56.338.929.180	106.908.717.416
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		17.945.240.924	9.036.881.977
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38.393.688.256	97.871.835.439
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.459.539.160.767	1.520.733.411.228

Ngày 19 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Bùi Đức Tân
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	27	353.452.876.010	428.911.076.783
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11	28	274.558.337.393	332.956.077.548
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		78.894.538.617	95.954.999.235
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	3.301.025.661	2.042.118.826
Chi phí tài chính	22	30	10.629.681.693	14.888.703.422
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.547.961.750</i>	<i>14.168.231.845</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		23.777.873.822	20.380.601.198
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		47.788.008.763	62.727.813.441
Thu nhập khác	31		561.593.420	-
Chi phí khác	32		-	3.784.425.378
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		561.593.420	(3.784.425.378)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		48.349.602.183	58.943.388.063
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	9.955.913.927	12.088.749.169
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		38.393.688.256	46.854.638.894

Ngày 19 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Bùi Đức Tân
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
 Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		48.349.602.183	58.943.388.063
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		94.832.245.036	149.681.859.906
Các khoản dự phòng	03		33.477.792.432	18.933.255.149
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(17.774.426)	687.624.244
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.603.130.523)	(1.994.944.087)
Chi phí lãi vay	06		10.547.961.750	14.168.231.845
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		183.586.696.452	240.419.415.120
Biến động các khoản phải thu	09		(84.572.391.456)	(14.159.332.306)
Biến động hàng tồn kho	10		(3.131.949.219)	682.633.240
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(29.673.265.562)	7.909.045.512
			66.209.090.215	234.851.761.566
Tiền lãi vay đã trả	14		(10.743.437.739)	(14.982.599.356)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.762.830.049)	(11.057.638.808)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.458.648.250)	(3.366.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39.244.174.177	205.445.273.402
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(13.226.126.627)	(8.777.753.638)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		360.075.001	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(40.000.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		3.243.055.522	1.994.944.087
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(49.622.996.104)	(6.782.809.551)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(15.525.783.000)	(49.628.283.000)
Tiền trả cổ tức	36		(70.725.823.300)	(33.474.729.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(86.251.606.300)	(83.103.012.300)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(96.630.428.227)	115.559.451.551
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		209.567.691.275	59.204.451.850
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		97.219	36.293.666
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	112.937.360.267	174.800.197.067

Ngày 19 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Bùi Đức Tân
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 349 nhân viên (1/1/2019: 341 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ máy móc và thiết bị	5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 4 năm

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí sửa chữa lớn

Theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà lần lượt là 2,5 năm/lần. Số dư dự phòng chi phí sửa chữa lớn được xác định bằng 1/2 dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong vòng 12 tháng tiếp theo.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới Công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, Công ty mẹ cấp cao nhất - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	199.898.552	495.608.028
Tiền gửi ngân hàng	42.737.461.715	89.072.083.247
Các khoản tương đương tiền	70.000.000.000	120.000.000.000
	112.937.360.267	209.567.691.275
	112.937.360.267	209.567.691.275

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	5.619.714.550	11.727.730.115
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	44.547.275.471	12.386.965.421
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	317.310	317.310
	50.167.307.331	24.115.012.846
	50.167.307.331	24.115.012.846

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

10. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trả trước hợp đồng xây dựng văn phòng	5.926.921.551	13.210.705.425
Trả trước khác	2.180.172.205	7.698.172.463
	8.107.093.756	20.908.877.888
	8.107.093.756	20.908.877.888

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	72.465.265.676	10.401.150.182
▪ Phải thu về lợi nhuận được chia	10.401.150.182	10.401.150.182
▪ Khoản chi hộ liên quan đến việc mua tàu	62.064.115.494	-
Khoản chi hộ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	7.563.152.683	4.526.989.073
Phải thu về lợi nhuận được chia - Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng – công ty con	1.537.891.494	2.974.216.742
Tạm ứng cho người lao động	2.041.791.000	2.557.043.253
Các khoản phải thu khác	3.507.993.839	2.625.480.389
	87.116.094.692	23.084.879.639
	87.116.094.692	23.084.879.639

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

12. Hàng tồn kho

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	54.674.221.294	(734.323.829)	51.580.465.275	(734.323.829)
Công cụ và dụng cụ	230.912.612	-	192.719.412	-
	54.905.133.906	(734.323.829)	51.773.184.687	(734.323.829)
	54.905.133.906	(734.323.829)	51.773.184.687	(734.323.829)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có 734 triệu VND (1/1/2019: 734 triệu VND) phụ tùng, vật tư không còn sử dụng được. Giá trị thuần có thể thực hiện được của số phụ tùng và vật tư này được ước tính bằng 0.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	174.339.147	3.941.543.838.700	342.509.375	3.942.060.687.222
Thanh lý	-	(1.102.936.364)	-	(1.102.936.364)
Số dư cuối kỳ	174.339.147	3.940.440.902.336	342.509.375	3.940.957.750.858
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	174.339.147	2.967.612.138.752	342.509.375	2.968.128.987.274
Khấu hao trong kỳ	-	94.525.742.788	-	94.525.742.788
Thanh lý	-	(1.102.936.364)	-	(1.102.936.364)
Số dư cuối kỳ	174.339.147	3.061.034.945.176	342.509.375	3.061.551.793.698
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	-	973.931.699.948	-	973.931.699.948
Số dư cuối kỳ	-	879.405.957.160	-	879.405.957.160

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 317.646 triệu VND (1/1/2019: 339.890 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản với nguyên giá 1.532.020 triệu VND (1/1/2019: 729.225 triệu) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	3.065.022.479
Khấu hao trong kỳ	306.502.248
Số dư cuối kỳ	3.371.524.727
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	25.185.957.732
Số dư cuối kỳ	24.879.455.484

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	43.271.084.746	3.521.658.866
Tăng trong kỳ	9.847.768.782	18.116.428.856
Số dư cuối kỳ	53.118.853.528	21.638.087.722

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2019			1/1/2019						
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con										
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	100%	100%	160.000.000.000	-	(*)	100%	100%	120.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	100%	100%	15.000.000.000	-	(*)	100%	100%	15.000.000.000	-	(*)
			175.000.000.000	-				135.000.000.000	-	
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác										
▪ Công ty Cổ phần An Phú	625.000	4,39%	53.500.000.000	(51.000.000.000)	(*)	625.000	4,39%	53.500.000.000	(51.000.000.000)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	600.000	2,02%	6.000.000.000	(261.857.704)	(*)	600.000	2,02%	6.000.000.000	(261.857.704)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang	500.000	17,86%	5.000.000.000	-	(*)	500.000	17,86%	5.000.000.000	-	(*)
			64.500.000.000	(51.261.857.704)		64.500.000.000		64.500.000.000	(51.261.857.704)	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	768.973.910	8.497.028.011
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	2.850.719.968	4.057.797.072
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	5.328.060.026	4.094.031.764
Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn – Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	4.040.563.560	1.222.097.250
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long	504.162.266	715.793.326
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè - Xăng dầu Khu vực 2	62.039.250	52.371.900
Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu - Xăng dầu Khu vực 2	28.749.600	27.652.900
	<hr/>	<hr/>
	13.583.268.580	18.666.772.223
<i>Các bên thứ ba</i>		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng	-	8.749.322.000
Các nhà cung cấp khác	2.511.089.525	5.632.582.346
	<hr/>	<hr/>
	2.511.089.525	14.381.904.346
	<hr/>	<hr/>
	16.094.358.105	33.048.676.569

Khoản phải trả cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.109.577.583	39.326.921.318	(32.181.202.515)	8.255.296.386
Thuế nhập khẩu	-	20.133.470.159	(20.133.470.159)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.268.040.288	9.955.913.927	(12.762.830.049)	5.461.124.166
Thuế thu nhập cá nhân	194.014.181	3.161.984.334	(3.190.824.442)	165.174.073
Các loại thuế khác	204.269.657	2.272.850.363	(1.067.795.220)	1.409.324.800
	9.775.901.709	74.851.140.101	(69.336.122.385)	15.290.919.425

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên	4.495.163.672	3.612.793.107
Chi phí lãi vay	1.964.436.913	2.159.912.902
Cảng phí	1.835.790.007	1.623.350.668
Các khoản khác	2.731.418.428	3.001.225.894
	11.026.809.020	10.397.282.571

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Phí thuê thuyền viên Công ty TNHH MTV Thuyền viên Vipco – công ty liên quan	1.918.069.719	951.764.557
Kinh phí công đoàn	1.882.037.262	1.672.560.381
Phải trả phí bảo hiểm tàu	1.311.000.000	1.311.000.000
Cổ tức phải trả	1.188.779.960	934.603.860
Phải trả quỹ khen thưởng phúc lợi – Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng – công ty con	881.800.000	601.600.000
Các khoản phải trả khác	762.249.009	1.764.829.961
	7.943.935.950	7.236.358.759

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành	VND	9,1%	2026	225.123.853.500	240.649.636.500
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(31.051.566.000)	(31.051.566.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				194.072.287.500	209.598.070.500

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 317.646 triệu VND (1/1/2019: 339.890 triệu VND) (Thuyết minh 13).

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Dự phòng sửa chữa lớn	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	45.328.033.000	20.000.000.000
Dự phòng lập trong kỳ	33.477.792.432	18.933.255.149
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(23.424.873.052)	-
Số dư cuối kỳ	55.380.952.380	38.933.255.149

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	96.296.881.377	1.134.159.826.933
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	46.854.638.894	46.854.638.894
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(16.280.000.000)	(16.280.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(70.979.999.400)	(70.979.999.400)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	55.891.520.871	1.093.754.466.427
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	106.908.717.416	1.144.771.662.972
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	38.393.688.256	38.393.688.256
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(17.983.477.092)	(17.983.477.092)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(70.979.999.400)	(70.979.999.400)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	56.338.929.180	1.094.201.874.736

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	78.866.666	788.666.660.000	78.866.666	788.666.660.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

25. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 24 tháng 4 năm 2019 đã quyết định phân phối khoản cổ tức trị giá 70.980 triệu VND, tương đương 900 VND mỗi cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 70.980 triệu VND, tương đương 900 VND mỗi cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.772.090.400	3.544.180.800

(b) Ngoại tệ

	30/6/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	7.485	173.879.570	15.261	353.371.002

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	51.389.466.853	66.357.379.161

27. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ thể hiện giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển	351.422.876.012	423.140.760.619
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	2.029.999.998	5.770.316.164
	353.452.876.010	428.911.076.783

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Giá vốn cung cấp dịch vụ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển	273.839.595.575	328.801.196.590
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	718.741.818	4.154.880.958
	274.558.337.393	332.956.077.548

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Cổ tức được chia	1.250.200.000	1.250.200.000
Lãi tiền gửi	1.992.855.522	744.744.087
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	57.970.139	47.174.739
	3.301.025.661	2.042.118.826

30. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	10.547.961.750	14.168.231.845
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	81.719.943	720.471.577
	10.629.681.693	14.888.703.422

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	50.682.531.940	46.117.881.471
Chi phí nhân viên	59.642.812.183	57.759.009.457
Chi phí khấu hao	94.832.245.036	149.681.859.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.112.777.507	47.762.290.013
Chi phí khác	65.065.844.549	49.906.008.070
	<hr/>	<hr/>

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	9.955.913.927	12.088.749.169
	<hr/>	<hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	48.349.602.183	58.943.388.063
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	9.669.920.437	11.788.677.613
Thu nhập không bị tính thuế	(250.040.000)	(250.040.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	536.033.490	550.111.556
	<hr/>	<hr/>
	9.955.913.927	12.088.749.169
	<hr/>	<hr/>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam Doanh thu cung cấp dịch vụ	106.010.234.484	111.454.405.065
Công ty mẹ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex Doanh thu cung cấp dịch vụ	247.442.641.526	308.369.031.613
Các công ty liên quan khác Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP – Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn Mua hàng hóa và dịch vụ	7.634.132.600	5.631.915.500
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn Mua hàng hóa và dịch vụ	6.464.007.206	7.366.145.929
Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn Mua hàng hóa và dịch vụ	12.588.850.380	11.323.358.651
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	8.844.312.639
Mua hàng hóa và dịch vụ	20.332.539.706	9.915.825.083
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè Mua hàng hóa và dịch vụ	265.015.850	200.408.594
Công ty Xăng dầu Khu Vực 2 Mua hàng hóa và dịch vụ	151.525.369	151.905.452
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex Mua hàng hóa và dịch vụ	188.030.000	1.024.430.000
Cảng dầu B12 Mua hàng hóa và dịch vụ	583.743.410	-
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long Mua hàng hóa và dịch vụ	139.602.000	-
Công ty TNHH MTV VITACO Đà Nẵng Mua hàng hóa và dịch vụ	20.343.750	-
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Tiền lương, thù lao và thưởng	2.231.444.054	2.168.820.000

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Bùi Đức Tân
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc